TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 112/2019/QĐST- HNGĐ	*Đông Anh, ngày 04 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị ***Nguyễn Thị X***. Sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 7 T, phường L, quận L1, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn B, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Anh ***Vũ Văn T.*** Sinh năm 1977.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 7 T, phường L, quận L1, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn B, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; biên bản thuận tình ly hôn ngày 19/3/2019 các đương sự thỏa thuận:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện O, tỉnh Hà Tây (nay là xã C, huyện O, Thành phố Hà Nội) ngày 04/4/2000 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại tổ 7 T, phường L, quận L1, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến tháng 8

năm 2018, do hai bên bất đồng quan điểm về cách sống, không thể hòa hợp được với nhau và anh T ngoại tình nên giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn. Anh, chị sống ly thân và đã được gia đình, địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh, chị thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh, chị cùng thống nhất ý kiến xác định trong quá trình chung sống anh, chị có hai con chung là: Vũ Ngọc Y, sinh ngày 21/11/2000 và Vũ Hoàng H, sinh ngày 24/7/2006. Cháu Y đã thành niên, không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự nên cháu ở với ai là tùy cháu. Ly hôn, chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác và hai bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Anh, chị cùng thống nhất ý kiến xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh chị thống nhất để chị X chịu toàn bộ lệ phí là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là: Vũ Ngọc Y, sinh ngày 21/11/2000 và Vũ Hoàng H, sinh ngày 24/7/2006. Cháu Y đã thành niên, không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự nên cháu ở với ai là tùy cháu Ly hôn, chị X trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H cho đến khi cháu H thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị X và anh T mỗi người phải chịu 1/2= 150.000 đồng. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị X và anh T để chị X chịu toàn bộ lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào 300.000 đồng

tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008382 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị X đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Toà án Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã C, huyện O, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thu Thanh